|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT KIM ĐỘNG  **HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TH&THCS HÙNG AN**  SỐ:50/ KHGD-TH&THCSHA | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hùng An, ngày 30 tháng 8 năm 2022* |
|  |  |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;*

*Thông tư số 26/2020/ TT – BGDĐT ngày 26/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT – BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ngày 20 tháng 7 năm 2021;*

*Công văn số 2384/ BGDĐT ngày 01/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh;*

*Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;*

*Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với giáo dục trung học;*

*Căn cứ Công văn số 1461/BGDĐT-GDTrH về việc xét tốt nghiệp học sinh mô hình trường học mới ngày 09/4/2019;*

*Căn cứ Công văn Số: 345/PGDĐT, ngày 7 tháng 9 năm 2022 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022- 2023;*

*Quyết định số 1750/QĐ – UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn Số: 269/PGDĐT, ngày 4 tháng 8 năm 2021 V/v Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2021-2022;*

*Công văn số 294 /PGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kim Động về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường từ năm học 2022-2023;*

*Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2021 - 2022 và tình hình thực tế của nhà trường, Trường TH&THCS Hùng An xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 như sau:*

**II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2022 – 2023**

***1. Bối cảnh bên ngoài***

**1.1. Thời cơ**

- Đối với Giáo dục và đào tạo, xã tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kì 2020 – 2025 và Nghị quyết HĐND xã nhiệm kì 2021 - 2026 về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Thành tích nhà trường: Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền xã Hùng An, sự nghiệp giáo dục đã phát triển toàn diện và đạt được những kết quả quan trọng của nhà trường nhiều năm liền được công nhận tập thể lao động tiên tiến và luôn đứng tốp đầu trong huyện về chất lượng giáo dục. Cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được kiên cố và đồng bộ, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Việc huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi đạt 100%. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hùng An được sắp xếp hợp lý, cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, nhà trường chuẩn bị đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 3 và lớp 7.

- Đa số phụ huynh có nhận thức đúng công tác đổi mới, mục tiêu giáo dục, tin tưởng và hỗ trợ tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

+ Trường có truyền thống nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể LĐTT. Chi bộ nhà trường nhiều năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường luôn đoàn kết, nhất trí, có trình độ đạt trên chuẩn cao, đa số là giáo viên trẻ, khỏe, nhiệt tình tâm huyết với nghề có tinh thần trách nhiệm cao. Trong giảng dạy luôn đổi mới phương pháp, tự học tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu đổi mới.

+ Trình độ dân trí trong xã những năm gần đây được nâng cao, sự quan tâm đến GD được thể hiện rõ nét, đặc biệt không có học sinh bỏ học và bỏ học giữa chừng, phổ cập đúng độ tuổi đạt tỉ lệ cao. Hội cha mẹ học sinh hoạt động có hiệu quả, tâm huyết với trường, nhiệt tình, chăm lo, tạo điều kiện cho con em học tập.

+ Đại đa số các em học sinh đều ngoan, chăm chỉ học tập, tích cực tham gia các phong trào của trường, lớp đề ra.

+ Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo mỗi lớp 1 phòng. Các phòng học có đủ bàn ghế cho GV, HS, hệ thống điện, quạt cũng như các trang thiết bị khác.

**1.2. Thách thức**

Xã Hùng An là một xã thuần nông, nằm cách xa trung tâm huyện Kim Động, cách huyện lỵ 7 km và gần trung tâm Thành phố Hưng Yên, có vị trí giáp danh. Phía bắc giáp xã Đồng Thanh, Phía nam giáp Hà Nội 2, Phía đông giáp xã Ngọc Thanh, Phía tây giáp Đức Hợp. Có diện tích đất tự nhiên 738 ha, diện tích đất canh tác 475 ha, có tổng dân số là 6.680 người. Thu nhập của nhân dân từ sản xuất nông nghiệp đã chuyển sang công nghiệp và các ngành nghề, dịch vụ như: Lao động tại các công ty, nhà máy, thợ mộc, thợ nề, cơ khí nhỏ….

Kinh tế địa phương có phát triển nhưng chưa cao, thu nhập người dân trong vùng còn thấp.

Tình hình chính trị xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, mặt trái của cơ chế thị trường ảnh hưởng đến ngành giáo dục nói chung và các nhà trường nói riêng.

Một số gia đình thường xuyên đi làm ăn xa, các em ở nhà một mình hoặc ở nhà với ông bà khó khăn cho việc quản lý các em.

Một số phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng về việc học tập của con em mình, còn khoán trắng cho nhà trường.

Trường có sân chơi bãi tập diện tích nhỏ hẹp, chưa đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập thể dục thể thao.

***2. Bối cảnh bên trong***

**2.1. Điểm mạnh của nhà trường**

Truyền thống nhà trường: Trường có bề dày hơn 60 năm xây dựng và phát triển, nhiều thế hệ học sinh đã thành đạt và đảm nhận các vị trí quan trọng trong các cơ quan Nhà nước. Hằng năm, số lượng học sinh giỏi các cấp luôn xếp thứ hạng cao và được cấp trên ghi nhận.

Nguồn lực Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy học (bàn ghế, máy tính, máy chiếu, sân chơi bãi tập đảm bảo học chính khóa và ngoại khóa...) ngân sách cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

**\* Về đội ngũ:**

Năm học 2022 - 2023, trường TH&THCS Hùng An có tổng số 39 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó: (38 biên chế và 01 hợp đồng)

- Ban giám hiệu: 03 đ/c

- Giáo viên giảng dạy khối THCS: 15 đ/c (Biên chế: 14, Hợp đồng: 01) Cấp THCS : Tỉ lệ GV/lớp : 15/8 = 1,8,7

- Giáo viên giảng dạy khối Tiểu học: 18 đ/c (Biên chế: 18, Hợp đồng: 0) Cấp TH : Tỉ lệ GV /lớp là 19/15 =1,2

- Nhân viên: 03 đ/c (gồm: Văn Thư - Thủ quỹ; Thư viện thiết bị; Kế toán)

- Đảng viên: 31 đ/c

- Trình độ chuyên môn: Đại học: 36; Cao đẳng: 1; Trung cấp: 2

- Tuổi nghề: cao nhất 32 năm thấp nhất 9 năm; Tuổi đời: cao nhất 55 thấp nhất 30 .

**\* Về cơ sở vật chất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hiện trạng** | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** | **Chia ra** | | | | **Ghi chú** |
| **Khối tiểu học** | | **Khối THCS** | |  |
| Khuôn viên | 02 | 17.522 |  | 10.532 |  | 6.990 | 11,7 m2/HS |
| Khối phòng học | 23 | 1.190 | 15 | 750 | 8 | 440 | Kiên cố |
| Phòng học bộ môn | 09 | 813 | 3 | 165 | 6 | 648 | Kiên cố |
| Khối phòng phục vụ học tập |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thư viện | 2 | 70 | 1 | 18 | 1 |  | Kiên cố |
| - Phòng thiết bị giáo dục | 6 | 150 | 2 | 40 | 5 | 100 | Kiên cố |
| - Phòng truyền thống và HĐ Đội | 1 | 35 | 1 | 30 | 1 | 35 | Kiên cố |
| Khối phòng hành chính |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phòng Hiệu trưởng | 1 | 18 | 0 | 0 | 1 | 18 | Kiên cố |
| - Phòng Phó Hiệu trưởng | 2 | 34 | 1 | 18 | 1 | 18 | Kiên cố |
| - Văn phòng | 1 | 100 | 1 | 30 | 1 | 55 | Kiên cố |
| - Phòng Y tế | 2 | 48 | 1 | 30 | 1 | 18 | Bám Kiên cố |
| -Phòng tổ chuyên môn | 2 | 34 | 0 | 0 | 2 | 34 | Kiên cố |
| -Phòng văn thư | 1 | 18 | 0 | 0 | 1 | 18 | Kiên cố |
| -Phòng kế toán | 1 | 18 | 0 | 0 | 1 | 18 | Kiên cố |
| -Phòng công đoàn | 1 | 18 | 0 | 0 | 1 | 18 | Kiên cố |
| -Phòng chờ GV | 1 | 25 | 1 | 25 | 0 | 0 | Bán kiên cố |
| - Phòng bảo vệ | 2 | 26 | 1 | 13 | 1 | 16 | Bán kiên cố |
| - Nhà vệ sinh dành cho giáo viên | 4 | 70 | 2 | 30 | 4 | 34 | Đảm bảo |
| - Nhà vệ sinh dành cho học sinh | 4 | 140 | 2 | 60 | 2 | 80 | Đảm bảo |
| - Sân chơi | 1 | 5000 | 1 | 2000 | 1 | 3.200 | Đảm bảo |
| - Sân tập thể dục | 1 | 600 | 0 | 0 | 1 | 500 | Đảm bảo |
| - Nhà để xe cho GV | 1 | 80 | 1 | 20 | 1 | 50 | Đảm bảo |
| - Nhà để xe cho HS | 1 | 200 | 1 | 80 | 2 | 220 | Đảm bảo |

**2.2. Thuận lợi**

Nhà trường thường xuyên nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT huyện Kim Động, Đảng ủy, chính quyền, nhân dân xã Hùng An và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Đa số phụ huynh có nhận thức đúng công tác đổi mới, mục tiêu giáo dục, tin tưởng và hỗ trợ tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

Nhà trường được hầu hết phụ huynh và học sinh tin tưởng, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh, đặc biệt là Ban đại diện CMHS trường, lớp.

Địa phương có truyền thống hiếu học, có nhiều người đỗ đạt cao được ghi danh, những năm gần đây kinh tế địa phương khá phát triển với nhiều ngành nghề. Thu nhập của người dân ngày tăng cao.

**2.3. Khó khăn**

Tuy nhiên, trong ba năm qua do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế thế giới và dịch bệnh Covid-19 xuất hiện từ tháng 12/2019 gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, ảnh hưởng đến giáo dục của nhà trường. Địa phương còn có nhiều hộ nghèo, cận nghèo. Một số phụ huynh đi làm ăn xa, không trực tiếp ở nhà để quản lý con cái và chăm lo việc học hành dẫn đến một số học sinh thể lực yếu, học tập chưa đạt yêu cầu.

Để thực hiện thành công chương trình 2018 đòi hỏi tính chủ động, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên.

Một số phòng học chức năng còn thiếu (phòng tổ chuyên môn cấp tiểu học). 1 số phòng chức năng diện tích còn nhỏ hẹp chưa phục vụ nhiều cho việc hoạt động (phòng thiết bị, phòng thư viện cấp tiểu học).

##### 3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

###### *3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2022 - 2023*

Tổng số học sinh trường có 915 học sinh gồm 23 lớp. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1, lớp 6 đạt 100% . Cụ thể chia theo các khối lớp như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số lớp** | **Tổng số HS** | **Nữ** | **HS dân tộc thiểu số** | **HSKT**  **hòa nhập** | **Ghi chú** |
| 1 | 3 | 101 | 44 |  | 3 |  |
| 2 | 3 | 107 | 53 |  | 3 |  |
| 3 | 3 | 119 | 46 |  | 1 |  |
| 4 | 3 | 113 | 54 |  | 2 |  |
| 5 | 3 | 119 | 58 |  | 1 |  |
| 6 | 2 | 96 | 42 | 01 |  |  |
| 7 | 2 | 87 | 44 |  | **01** |  |
| 8 | 2 | 92 | 37 |  |  |  |
| 9 | 2 | 81 | 38 |  | **01** |  |
| ***Tổng*** | **23** | **915** | **371** |  | **12** |  |

###### *3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng*

Khu nhà A khối THCS: Từ phòng học số 1 đến số 8 lần lượt các lớp khối 6,7,8,9.

Khu nhà B khối THCS: 6 phòng học bộ môn: sinh-hóa, lý- công nghệ, Âm nhạc-mỹ thuật, Tiếng anh, Đa năng, Tin

Khu nhà C khối THCS: Từ phòng 1 đến phòng 11: Phòng HT – Phòng hội đồng SP - Phòng P.HT; phòng Văn thư; phòng Y tế; nhà vệ sinh; Phòng Công đoàn: Phòng Kế toán; phòng tổ KHXH; phòng KHTN; phòng Truyền thống; thư viện; nhà vệ sinh.

Khu nhà A khối Tiểu: Từ phòng học số 1 đến số 13 lần lượt các phòng: phòng đọc; thư viện; thiết bị; hội đồng sp; P.HT, 4A;1A;1B;1C; 3A; 3B; 3C; 4B.

Khu nhà B khối TH : Từ phòng học số 1 đến số 7 lần lượt các phòng: 4C; 2A; 2B; 2C; 5A; 5B; 5C.

Khu nhà C khối TH : Phòng CNT Tin; phòng đoàn đội, phòng Y tế, phòng T.Anh; phòng GD nghệ thuật.

**3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:**

**Khối lớp 1; 2; 6; 7:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018);

**Khối lớp 4; 5; 8; 9:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theoQuyết định số: 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mô hình trường học mới theo CV số 4668/BGDĐT-GDTrH, ngày 10/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 1392/BGDĐT-GDTrH V/v thực hiện một số quy định về đánh giá học sinh THCS mô hình trường học mới.

**3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:**

+ Mỗi tuần thực hiện 01 tiết chào cờ vào sáng thứ hai, và một tiết sinh hoạt cuối tuần tổng cộng 70 tiết;

+ Số tiết còn lại nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo 9 chủ đề theo SGK và thời khóa biểu.

Tháng 9: Chủ đề “Truyền thống nhà trường”. Hình thức tổ chức: Lễ khai giảng năm học mới.

Tháng 11: Chủ đề: “Tôn sư trọng đạo”, “Biết ơn thày cô giáo”. Hình thức tổ chức: Sân khấu hóa văn học

Tháng 12: Chủ đề “Uống nước nhớ nguồn”, “Cháu yêu chú bộ đội”. Hình thức tổ chức: Học sinh viếng nghĩa trang liệt sĩ, Ngày hội STEM

Tháng 1: Chủ đề: “Mừng Đảng- Mừng xuân”. Hình thức tổ chức: Học sinh trải nghiệm cách gói bánh chưng.

Tháng 3: Chủ đề: “Tiến bước lên Đoàn, Yêu quý mẹ và cô giáo”. Hình thức tổ chức: Hội thi: Trạng nguyên nhí.

Tháng 4: Chủ đề “ Hòa bình và hữu nghị”. Hình thức tổ chức: Thi kể chuyện theo sách và đại sứ văn hóa đọc.

Tháng 5 tổ chức 01 buổi hướng nghiệp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

* Tổ chức dạy học tích hợp: Đầu năm học nhà trường chỉ đạo tổ nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp, chỉ đạo việc dạy học phân hóa phù hợp với đối tượng học sinh.

**3.5. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục dịa phương cho học sinh khối 1;2;3 cấp Tiểu học và khối 6;7 cấp THCS:**

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 1 tiết/tuần đối với cấp THCS; Cấp Tiểu học dạy giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong một số môn học và hoạt động giáo dục.

Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Hưng Yên biên soạn.

### III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023

**1. Mục tiêu chung**

- Thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục phổ thông; bảo đảm trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục**.** Thực hiện tốt quyền tự chủ nhà trường trong việc thực hiện KHGD trên khung chương trình giáo dục 35 tuần của Bộ GD& ĐT theo tinh thần công văn số 2345/BGDĐT ngày 07/06/2021; Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp THCS;

- Năm học 2021–2022 tiếp tục thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai chương trình hành động của chính phủ thực hiện NQ số 29-NQ/TW.

- Duy trì Phổ cập giáo dục mức độ 3. Duy trì công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và tổ chức đón bằng công nhận trường Chuẩn Quốc gia.

- Thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh, bảo đảm thời lượng học tập, sinh hoạt tập thể, trải nghiệm thực tế, vui chơi, tham gia hoạt động cộng đồng.

- Thực hiện mục tiêu, yêu cầu của CTGDPT 2018 (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6 và lớp 7)

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo mô hình trường học mới đối với lớp 4,5,8,9.

- Đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc giáo dục, quản lí học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Xây dựng trường học theo mô hình tiên tiến, hiện đại, duy trì hoạt động xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Năm học 2022-2023 là năm học toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) quy định tại Thông tư 32/TT-BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1;2;3;6;7 và Quyết định số: 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 4;5;8;9.

- Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, 2,3 và 6,7; thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và bố trí quỹ đất để xây dựng CSVC lớp học phù hợp, thuận lợi, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có quy mô lớp học và sĩ số học sinh vượt quá quy định để thực hiện CTGDPT 2018 đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 3 và lớp 7 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực trong năm học 2022-2023.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 cho năm học 2023-2024.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện địa phương.

- Chỉ tiêu:

- 100% học sinh lớp 1 đến lớp 5 học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 1, 2 được học môn Tiếng Anh.

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh lớp 1, 2,3 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 97% trở lên học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

- Duy trì sĩ số học sinh trên 99%, bỏ học dưới 1%.

- Xét công nhận tốt nghiệp THCS đạt 100%.

- Học sinh giỏi cấp huyện lớp lớp 9 đạt tỉ lệ trên 65 % so với số học sinh tham gia dự thi.

- Tỉ lệ học sinh TN THCS đạt: 100%; 100% học sinh cuối cấp được tư vấn giáo dục hướng nghiệp, tỉ lệ học sinh sau TN THCS thi đỗ vào các trường THPT trên địa bàn huyện đạt tỉ lệ trên 75% và 25% còn lại tham gia học các trường đào tạo nghề.

-Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.

-Tổ chức được 4 HĐGDKNS/năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.

- 100% giáo viên được kiểm tra đánh giá về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hoạt động sư phạm, 100% cán bộ giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên. Từ 3->5 GV đạt GV giỏi cấp huyện.

- Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS cấp độ 3.

1. **Chỉ tiêu Cấp Tiểu học:**

***3.1. Môn học và Hoạt động giáo dục: Đánh giá kết quả học tập cuối năm:***

**3.1.1. Môn Toán, Tiếng Việt:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Tổng số HS** | **Số HS được đánh giá** | **Đánh giá về học tập các môn học** | | | | | | | | | | | |
| **Tiếng Việt** | | | | | | **Toán** | | | | | |
| **HT tốt** | | **HT** | | **Chưa HT** | | **HT tốt** | | **HT** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | 101 | 101 | 69 | 68,3 | 31 | 30,8 | 1 | 0,9 | 76 | 75,2 | 24 | 23,9 | 1 | 0,9 |
| 2 | 107 | 107 | 72 | 67,3 | 35 | 32,7 | 0 | 0 | 81 | 75,7 | 26 | 24,3 | 0 | 0 |
| 3 | 118 | 118 | 81 | 68,6 | 37 | 31,4 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 |
| 4 | 113 | 113 | 81 | 71,7 | 32 | 28,3 | 0 | 0 | 89 | 78,8 | 24 | 21,2 | 0 | 0 |
| 5 | 119 | 119 | 86 | 72,3 | 33 | 27,7 | 0 | 0 | 93 | 78,2 | 26 | 21,8 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **558** | **558** | **389** | **69,7** | **168** | **30,2** | 1 | 0,1 | **428** | **76,7** | **129** | **23,2** | 1 | 0,1 |

**3.1.2. Môn: Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Ngoại ngữ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Tổng số HS** | **Số HS được đánh giá** | **Đánh giá về học tập các môn học** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Khoa học** | | | | | | **Lịch sử- Địa lý** | | | | | | **Ngoại ngữ** | | | | | | |
| **HT tốt** | | **HT** | | **Chưa HT** | | **HT tốt** | | **HT** | | **Chưa HT** | | **HT tốt** | | **HT** | | **Chưa HT** | | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** |  | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 3 | 118 | 118 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 71 | 60,2 | 47 | 39,8 | 0 | 0 |
| 4 | 113 | 113 | 89 | 78,8 | 24 | 21,2 | 0 | 0 | 81 | 71,7 | 32 | 28,3 | 0 | 0 | 69 | 61 | 44 | 39 | 0 | 0 |
| 5 | 119 | 119 | 93 | 78,2 | 26 | 21,8 | 0 | 0 | 86 | 72,3 | 33 | 27,7 | 0 | 0 | 75 | 63 | 44 | 37 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **350** | **350** | **182/232** | **78,4** | **50/**  **232** | **21,6** | 0 | 0 | **167/232** | **72** | **65/**  **232** | **28** | 0 | 0 | **215/350** | **61,4** | **135** | **38,6** | 0 | 0 |

**3.1.3.Xếp loại học tập các môn học còn lại:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Sĩ số** | **Số HS được đánh giá** | **Xếp loại** | **Đạo đức** | | **Tự nhiên -**  **xã hội** | | **Âm nhạc** | | **Mỹ thuật** | | **Kỹ thuật** | | **Thể dục** | | **Tin học** | | **Công nghệ** | | **Ghi**  **chú** |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |  |
| 1 | 101 | 101 | Hoàn thành tốt | 81 | 80,1 | 81 | 80,1 | 76 | 75,2 | 76 | 75,2 |  | | 81 | 80,1 |  | | | |  |
| Hoàn thành | 20 | 19,9 | 20 | 19,9 | 25 | 24,8 | 25 | 24,8 | 20 | 19,9 |  |
| 2 | 107 | 107 | Hoàn thành tốt | 86 | 80,4 | 86 | 80,4 | 83 | 77,6 | 83 | 77,6 | 86 | 80,4 |  |
| Hoàn thành | 21 | 19,6 | 21 | 19,6 | 24 | 22,4 | 24 | 22,4 | 21 | 19,6 |  |
| 3 | 118 | 118 | Hoàn thành tốt | 101 | 85,6 | 101 | 85,6 | 98 | 83 | 98 | 83 | 101 | 85,6 | 94 | 70 | 101 | 85,6 |  |
| Hoàn thành | 17 | 14,4 | 17 | 14,4 | 20 | 17 | 20 | 17 | 17 | 14,4 | 40 | 30 | 17 | 14,4 |  |
| 4 | 113 | 113 | Hoàn thành tốt | 91 | 80,5 |  | | 85 | 75,2 | 85 | 75,2 | 91 | 80,5 | 91 | 80,5 |  | | | |  |
| Hoàn thành | 22 | 19,5 | 28 | 24,8 | 28 | 24,8 | 22 | 19,5 | 22 | 19,5 |  |
| 5 | 119 | 119 | Hoàn thành tốt | 96 | 80,6 | 90 | 75,6 | 90 | 75,6 | 96 | 80,6 | 96 | 80,6 |  |
| Hoàn thành | 23 | 19,4 | 29 | 24,4 | 29 | 24,4 | 23 | 19,4 | 23 | 19,4 |  |
| Tổng | **558** | **558** | Hoàn thành tốt | 455 | 81,5 | 268  /326 | 82,2 | 432 | 77,4 | 432 | 77,4 | 187/232 | 80,6 | 455 | 81,5 | 94 | 70 | 101 | 85,6 |  |
| Hoàn thành | 103 | 18,5 | 58  /326 | 17,8 | 126 | 22,6 | 126 | 22,6 | 45 | 19,4 | 103 | 18,5 | 40 | 30 | 17 | 14,4 |  |

**3.1.4. Đánh giá hoạt động giáo dục bắt buộc:**

**Hoạt động trải nghiệm khối 1+2+3:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Tổng số**  **HS** | **Số HS được đánh giá** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | 101 | 101 | 76 | 75 | 25 | 25 |  |  |
| 2 | 107 | 107 | 81 | 75 | 26 | 25 |  |  |
| 3 | 118 | 118 | 89 | 75 | 29 | 25 |  |  |

***3.2. Đánh giá năng lực, phẩm chất cuối năm học:***

**3.2.1. Năng lực + Lớp 1,2,3**

**NĂNG LỰC CHUNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số học sinh đánh giá** | **Tự chủ và tự học** | | | | | | **Giao tiếp và Hợp tác** | | | | | | **Giải quyết vấn đề và sáng tạo** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **1** | 101 | 69 | 68,3 | 31 | 30,8 | 1 | 0,9 | 76 | 75,2 | 24 | 23,9 | 1 | 0,9 | 69 | 68,3 | 31 | 30,8 | 1 | 0,9 |  |
| **2** | 107 | 72 | 67,3 | 35 | 32,7 | 0 | 0 | 81 | 75,7 | 26 | 24,3 | 0 | 0 | 72 | 67,3 | 35 | 32,7 | 0 | 0 |  |
| **3** | 118 | 81 | 68,6 | 37 | 31,4 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 | 81 | 68,6 | 37 | 31,4 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **326** | 222 | 68,0 | 103 | 31,7 | 1 | 0,3 | 246 | 75,5 | 79 | 24,2 | 1 | 0,3 | 222 | 68,0 | 103 | 31,7 | 1 | 0,3 |  |

**NĂNG LỰC ĐẶC THÙ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS** | **Ngôn ngữ** | | | | | | **Tính toán** | | | | | | **Khoa học** | | | | | | **Thẩm mĩ** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **1** | 101 | 69 | 68,3 | 32 | 31,7 | 0 | 0 | 76 | 75,2 | 25 | 23,9 | 0 | 0 | 76 | 75,2 | 25 | 23,9 | 0 | 0 | 81 | 80 | 20 | 20 | 0 | 0 |  |
| **2** | 107 | 72 | 67,3 | 35 | 32,7 | 0 | 0 | 81 | 75,7 | 26 | 24,3 | 0 | 0 | 81 | 75,7 | 26 | 24,3 | 0 | 0 | 86 | 80 | 21 | 20 | 0 | 0 |  |
| **3** | 118 | 81 | 68,6 | 37 | 31,4 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 | 101 | 86 | 17 | 14 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **326** | 222 | 68,0 | 104 | 32,0 | 0 | 0 | 246 | 75,5 | 80 | 25,5 | 0 | 0 | 246 | 75,5 | 80 | 25,5 | 0 | 0 | **268** | **82** | **58** | **18** | **0** | **0** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS** | **Thể chất** | | | | | | **Công nghệ** | | | | | | **Tin học** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **1** | 101 | 81 | 80,1 | 20 | 19,9 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | 107 | 86 | 80,4 | 21 | 19,6 | 0 | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | 118 | 101 | 85,6 | 17 | 14,4 | 0 | 0 | 101 | 86 | 17 | 14 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **326** | 268 | 82 | 58 | 18 | 0 | 0 | 101 | 86 | 17 | 14 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 |  |

**+ Lớp 4,5**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số học sinh đánh giá** | **Tự phục vụ, tự quản** | | | | | | **Hợp tác** | | | | | | **Tự học, giải quyết vấn đề** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **4** | 113 | 89 | 78,8 | 24 | 21,2 | 0 | 0 | 81 | 71,7 | 32 | 28,3 | 0 | 0 | 81 | 71,7 | 32 | 28,3 | 0 | 0 |  |
| **5** | 119 | 93 | 78,2 | 26 | 21,8 | 0 | 0 | 86 | 72,3 | 33 | 27,7 | 0 | 0 | 86 | 72,3 | 33 | 27,7 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **232** | 182 | 78,4 | 50 | 21,6 | 0 | 0 | 167 | 72 | 65 | 28 | 0 | 0 | 167 | 72 | 65 | 28 | 0 | 0 |  |

**3.2.2. Phẩm chất**

**+ Phẩm chất khối 1,2,3.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS** | Yêu nước | | | | | | Nhân ái | | | | | | Chăm chỉ | | | | | | Trung thực | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **1** | 101 | 81 | 80,1 | 20 | 19,9 | 0 | 0 | 81 | 80,1 | 20 | 19,9 | 0 | 0 | 76 | 75,2 | 25 | 23,9 | 0 | 0 | 81 | 81 | 20 | 20 | 0 | 0 |  |
| **2** | 107 | 86 | 80,4 | 21 | 19,6 | 0 | 0 | 86 | 80,4 | 21 | 19,6 | 0 | 0 | 81 | 75,7 | 26 | 24,3 | 0 | 0 | 86 | 81 | 21 | 20 | 0 | 0 |  |
| **3** | 118 | 101 | 85,6 | 17 | 14,4 | 0 | 0 | 101 | 85,6 | 17 | 14,4 | 0 | 0 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 | 101 | 86 | 17 | 14 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **326** | 268 | 82 | 58 | 18 | 0 | 0 | 268 | 82 | 58 | 18 | 0 | 0 | 246 | 75,5 | 80 | 25,5 | 0 | 0 | 268 | 82 | 58 | 18 | 0 | 0 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS** | Trách nhiệm | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **1** | 101 | 76 | 75,2 | 25 | 23,9 | 0 | 0 |  |
| **2** | 107 | 81 | 75,7 | 26 | 24,3 | 0 | 0 |  |
| **3** | 118 | 89 | 75,4 | 29 | 24,6 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **326** | 246 | 75,5 | 80 | 25,5 | 0 | 0 |  |

**+ Phẩm chất khối 3,4,5.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS** | **Chăm học chăm làm** | | | | | | **Tự tin, trách nhiệm** | | | | | | **Trung thực kỷ luật** | | | | | | **Đoàn kết, yêu thương** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| **4** | 113 | 89 | 79 | 24 | 21 | 0 | 0 | 81 | 72 | 32 | 28 | 0 | 0 | 91 | 80 | 22 | 20 | 0 | 0 | 91 | 80 | 22 | 20 | 0 | 0 |  |
| **5** | 119 | 93 | 78 | 26 | 22 | 0 | 0 | 86 | 72 | 33 | 28 | 0 | 0 | 96 | 80 | 23 | 20 | 0 | 0 | 96 | 80 | 23 | 20 | 0 | 0 |  |
| **Tổng** | **232** | 182 | 78 | 50 | 22 | 0 | 0 | 167 | 72 | 65 | 28 | 0 | 0 | 187 | 80 | 45 | 20 | 0 | 0 | 187 | 80 | 45 | 20 | 0 | 0 |  |

***3.3. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:***

**a. Hoàn thành chương trình lớp học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Toàn trường** | | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| HTCT lớp học | 557 | 99,8 | 100 | 99 | 107 | 100 | 1118 | 100 | 113 | 100 | 119 | 100 |
| Chưa HTCT lớp học | 1 | 0,2 | 1 | 1 | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 0 |  |

**b. Hoàn thành chương trình tiểu học: 119/119 = 100%**

***3.4. Khen thưởng:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TS HS (gồm cả KT)** | | **Khen thưởng cuối năn** | | | | | |
| **SL** | **Nữ** | **Khen HS Xuất sắc** | | **Khen HS tiêu biểu** | | **Học sinh vượt trội** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | 101 | 44 | 30 | 29 | 23 | 23 |  |  |
| 2 | 107 | 53 | 31 | 28 | 34 | 32 |  |  |
| 3 | 118 | 45 | 32 | 27 | 39 | 33 |  |  |
| 4 | 113 | 54 | 31 | 27 |  |  | 44 | 39 |
| 5 | 119 | 58 | 34 | 28 |  |  | 45 | 38 |
| **Tổng** | **558** | **254** | **158** | **28** | **96** | **29** | **89** | **38** |

**4.Chỉ tiêu Cấp THCS:**

***4.1. Đối với học sinh lớp 6,7 thực hiện theo CTGDPT 2018, kết quả đạt được:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***\*Kết quả học tập*** | Tốt (%) | Khá (%) | Đạt (%) | Chưa đạt(%) |
| Đánh giá bằng nhận xét |  |  | 100% |  |
| Đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số | 15% | 40% | 33% | 02 |
| ***\* Kết quả rèn luyện*** | 70% | 30% | 0 | 0 |

Khen thưởng cuối năm:

- Học sinh Xuất sắc: 5%.

- Học sinh Giỏi: 12%.

***3.2.2. Đối với các lớp 8, 9 (mô hình trường học mới)***

***\* Đánh giá về năng lực và phẩm chất***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Năng lực** | | | **Phẩm chất** | | |
| **Tốt** | **Đạt** | **Cần cố gắng** | **Tốt** | **Đạt** | **Cần cố gắng** |
| Khối 8 | 30% | 65% | 5% | 90% | 10% | 0% |
| Khối 9 | 40% | 60% | 0% | 95% | 5% | 0% |

**\*Đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| 8 | *22%* | *76%* | 2% |
| 9 | *25%* | *75%* | 0% |

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Các hoạt động giáo dục**

**1.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi**

Đầu năm nhà trường tổ chức thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp trường, thi học sinh giỏi lớp 8 cuối kì I. Trên cơ sở đó thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi cấp huyện lớp 9 các môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh. Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng và được tính tinh giảm tiết dạy.

Bảng phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn** | **Khối** | **Bồi dưỡng đội tuyển** | **Ghi chú** |
| **1** | Nguyễn Tiến Văn | 9 | Toán |  |
| **2** | Lê Thị Kim Dung | 9 | Ngữ văn |  |
| **3** | Trần Bích Đào | 9 | Vật lí |  |
| **4** | Vũ Thị Thanh Xuân | 9 | Hóa học |  |
| **5** | Phạm Văn Thắng | 9 | Sinh học |  |
| **6** | Hoàng Thị Ánh Tuyết | 9 | Lịch Sử |  |
| **7** | Vương Thị Hồng Tươi | 9 | Địa lí |  |
| **8** | Lê Thị Minh Hải | 9 | Tiếng Anh |  |
| **9** | Nguyễn Thị Phương | 9 | Tin học |  |

\* Đối với Ban giám hiệu:

- Giao cho đ/c Nguyễn Thị Tiềm Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác bồi dưỡng học sinh giỏi:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phân công giáo viên dạy, lên thời khóa biểu, kiểm tra đề cương, giáo án giảng dạy của giáo viên.

+ Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của tổ chuyên môn, giáo viên giảng dạy.

+ Cùng với tổ chuyên môn tham dự các buổi chuyên đề liên quan đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

\* Đối với tổ chuyên môn:

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng.

- Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.

\* Đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Lập danh sách đội tuyển theo các môn.

- Thực hiện đúng theo thời khóa biểu đã phân công.

- Soạn giáo án bồi dưỡng, giáo án được kiểm tra vào thứ 2 hàng tuần. Giáo viên cần lựa chọn nội dung, phương pháp bồi dưỡng tốt nhất để bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả cao nhất.

- Đảm bảo chất lượng, chi tiêu đề ra

\* Thời gian thực hiện:

- Dạy theo lịch của nhà trường.

- Thời gian: Bắt đầu bồi dưỡng từ 7/9/2021 đến khi học sinh đi dự thi cấp huyện (dự kiến vào tháng 12/2021) đối với lớp 9; lớp 8 bắt đầu bồi dưỡng vào đầu tháng 01/2022 đến khi có phân công mới.

**1.2. Phụ đạo học sinh yếu kém**

- Yêu cầu giáo viên lập danh sách đối với hai môn Toán, Ngữ văn trên cơ sở đó Phó hiệu trưởng phân công giáo viên có khả năng và kiên trì, nhiệt tình phụ trách phụ đạo

- Các môn khác có HS yếu sẽ phụ đạo ngay trong giờ dạy.

Danh sách giáo viên phụ đạo môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn** | **Khối lớp** | **Gv phụ đạo môn** | **Ghi chú** |
| **1** | Nguyễn Tiến Văn | 9 | Toán |  |
| **2** | Lê Thị Kim Dung | 9 | Ngữ văn |  |
| **3** | Nguyễn Thị Phương | 8 | Toán |  |
| **4** | Hoàng Thị Ánh Tuyết | 8A | Ngữ văn |  |
| **5** | Trần Bích Đào | 7 | Toán |  |
| **6** | Hoàng Thị Ánh Tuyết | 7 | Ngữ văn |  |
| **7** | Vũ Thị Tuyền | 6 | Toán |  |
| **8** | Vương Thị Hồng Tươi | 6,8B | Ngữ văn |  |

Thời gian phụ đạo: Theo TKB phụ đạo của nhà trường

**1.3. Tham gia các hội thi chuyên môn**

a. Đối với giáo viên

- Phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong giáo viên và học sinh vào các đợt hội giảng chào mừng các ngày lễ lớn như: Đợt 1(20/11), đợt 2 (03/02).

- Nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai. Giáo viên đăng ký tiết thao giảng sau đó nhà trường lên lịch để thực hiện.

- Tham gia cuộc thi tìm hiểu Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 cấp huyện. Số lượng giáo viên tham gia theo chỉ tiêu PGD.

- Phát động phong trào viết sáng kiến trong CB-GV-NV, những người đã có sáng kiến được công nhận ở cấp huyện, cấp tỉnh trong nhiều năm báo cáo cho đồng nghiệp tại tổ. Mỗi cá nhân phải xây dựng kế hoạch, đầu tư thời gian và trí tuệ vào việc viết sáng kiến để đạt hiệu quả. Tham gia đầy đủ, có chất lượng các cuộc thi do ngành phát động.

- Thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện: Gồm các môn: Sinh, Công nghệ, Lịch sử, Địa lý theo tinh thần tự nguyện (*có công văn hướng dẫn sau*).

- Thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: theo tinh thần tự nguyện (*có công văn hướng dẫn sau*).

- Cuộc thi thiết kế bài giảng E-learning: Các đơn vị gửi bài thi về Phòng GD&ĐT để thẩm định và tổng hợp gửi về Sở GD&ĐT để tham gia cấp tỉnh.

b. Đối với học sinh

\* Các cuộc thi trên mạng: Các trường hướng dẫn học sinh tự nguyện thi để nâng cao năng lực học tập của học sinh.

\* Tổ chức thi cấp huyện và tham gia các cuộc thi cấp tỉnh như sau:

- Cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp huyện, cấp tỉnh.

- Thi điền kinh cấp huyện; cấp tỉnh (nếu có)

- Tham gia cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh Hưng Yên.

- Thi tin học trẻ cấp tỉnh.

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi 9 môn văn hóa lớp 9 cấp huyện, cấp tỉnh: Thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện 8 môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, Tin học theo tinh thần tự nguyện đăng ký của học sinh.

- Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2023 - 2024.

- Tham gia các Hội thi khác (Tùy tình hình thực tế của nhà trường)

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **TG thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| **9** | Truyền thống nhà trường | Tổ chức: Lễ khai giảng năm học mới | Tập trung | Sáng 5/9/2021 | BGH, TPT | HĐSP, HS toàn trường |
| **11** | Tôn sư trọng đạo | Tổ chức SHTT: Đón trường chuẩn quốc gia và giao lưu văn nghệ chào mừng 20/11 | Tập trung | Sáng 18/11/2022 | BGH, TPT, HS | Các đại biểu xã, BGH, GV, NV toàn trường, |
| **12** | Uống nước nhớ nguồn | Tìm hiểu truyền thống yêu nước của địa phương  Viếng nghĩa trang liệt sỹ; Nói chuyện truyền thống QĐNDVN. | Tập trung | Sáng 22/12/2022 | GBH, TPT, CCB | Đại diệ BGH, GV, NV toàn trường,cựu chiến binh xã |
| **2** | Vui xuân | Tổ chức học sinh tham quan trải nghiệm | Tập trung | Ngày 2/2023 | CBGVNV và HS | Phụ huynh học sinh |
| **3** | Tiến bước lên đoàn | Tìm hiểu về Đoàn TNCSHCM  Hoạt động trải nghiệm | Tập trung | Sáng 26/3/2023 | Đoàn TN, TPT, HS | Phụ huynh học sinh |
| **4** | Hòa bình- hữu nghị | Tổ chức ngày hội đọc sách, Tổ chức cuộc thi tìm hiểu chiến thắng 30/4 lịch sử | Toàn trường | Chiều 29/4/2023 | Đoàn TN, TPT | BGH, Các đoàn thể, GV, NV |
| **5** | Ngày hội STEM | Tìm hiểu về ngôi nhà thông minh | Câu lạc bộ STEM biểu diễn và thi giữa các lớp | 10,11/05/2023 | Giáo viên Vật lý-CN | GVCN, TPT |

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 9/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về Kế hoạch thời gian năm học 2022- 2023 cụ thể:

Ngày tựu trường: Sớm nhất ngày 29/8/2022 (Riêng đối với lớp 1 sớm nhất 22/8/2022)

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022

Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2022 đến trước ngày 15/01/2022 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2023 đến trước ngày 25/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 31/5/2023

Trường Tiểu học & THCS Hùng An lên kế hoạch thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

**V. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục cấp TH:**

**Bảng tổng hợp cả năm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | | | **Số tiết lớp 2** | | | **Số tiết lớp 3** | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | | |
| **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK 1** | **HK2** | |
| 1. **Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | |
| 3 | Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  | 140 | 72 | 68 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | |
| 4 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | |
| 5 | TNXH | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  | |
| 6 | LS&ĐL |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | |
| 7 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | |
| 8 | Tin học và công nghệ |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  | |
| 9 | GD thể chất | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | |
| 10 | Âm nhạc | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | |
| 11 | Mĩ thuật | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | |
| 12 | Thủ công (KT) |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | |
| 13 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | |
| 1. **Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Tiếng Anh | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường** *(Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Tăng cường Tiếng Việt | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | *35* | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 |
| 16 | Tăng cường Toán | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 |
| 17 | Tăng cường GD KNS | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 |
| **Tổng, Số tiết/tuần**  **( Cả năm học)** | | **1120 tiết/35 tuần = 32 tiết** | | | **1120tiết/35 tuần = 32 tiết** | | | **1120 tiết/35 tuần = 32 tiết** | | | **1121 tiết/35 tuần = 33tiết** | | | **1121tiết/35 tuần =**  **33 tiết** | | | |
| **Số buổi dạy/tuần** | | **9 buổi/tuần** | | | **9 buổi/tuần** | | | **9 buổi/tuần** | | | **9 buổi/tuần** | | | **9 buổi/tuần** | | | |

**2. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục cấp THCS:**

**2.1. Khối lớp 6,7**

**BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6,7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÔN** | | **Tổng thời lượng/ môn**  **HK I** | **Tổng thời lượng/ môn**  **HK II** | **Tổng cả năm** |
| **Ngữ văn** | | **72** | **68** | 140 |
| **Toán** | | **72** | **68** | 140 |
| **Ngoại ngữ 1** | | **54** | **51** | 105 |
| **Giáo dục công dân** | | **18** | **17** | 35 |
| **Lịch sử và Địa lí** | **Lịch sử** | **27** | **25** | **52** |
| **Địa lí** | **27** | **26** | **53** |
| **Khoa học Tự nhiên** | **Hóa** | **18** | **17** | **35** |
| **Lí** | **18** | **34** | **52** |
| **Sinh** | **36** | **17** | **53** |
| **Công nghệ** | | **18** | **17** | 35 |
| **Tin học** | | **18** | **17** | 35 |
| **GDTC** | | **36** | **17** | 70 |
| **Âm nhạc** | | **18** | **17** | 35 |
| **Mĩ Thuật** | | **18** | **17** | **35** |
| **HĐTN, HN** | **CC+SHCT** | **36** | 34 | **70** |
| **TN CĐ** | **18** | **17** | **35** |
| **GDĐP** | | **18** | **17** | **35** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | | **522** | **493** | **1015** |
| **Số tiết học trung bình/tuần** *(không kể các môn học tự chọn)* | | **29 tiết/ tuần** | | |  |  |
| Ghi chú: Trải nghiệm, hướng nghiệp | | Thực hiện 7 tiết/ chủ đề | | |

**2.2. Khối lớp 8,9 – Mô hình trường học mới**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn học** | **Khối 8** | | | **Khối 9** | | |
| **HKI** | **HKII** | **Cả năm** | **HKI** | **HKII** | **Cả năm** |
| 1 | Ngữ Văn | 72 | 68 | 140 | 90 | 85 | 175 |
| 2 | KHXH | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 |
| 3 | Tiếng Anh | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 |
| 4 | Toán | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 |
| 5 | KHTN | 90 | 85 | 175 | 108 | 102 | 210 |
| 6 | GDCD | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 7 | Công nghệ | 36 | 17 | 53 | 18 | 17 | 35 |
| 8 | Thể dục | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 9 | Âm nhạc | 18 | 17 | 35 | 18 |  | 35 |
| 10 | Mĩ thuật | 18 | 17 | 35 |  | 17 | 35 |
| 11 | Tin học | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
|  | Tự chọn | 18 | 17 | 35 |  |  |  |
| 12 | Chào cờ | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
|  | SHL | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| Tổng số tiết | | 558 | 510 | 1068 | 540 | 510 | 1050 |
| **Trung bình** | | **30,5 tiết/tuần** | | | **30 tiết/tuần** | | |

**VI. Giải pháp thực hiện**

***1. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học***

Kiểm tra tu bổ, sửa chữa và mua sắm thường xuyên các thiết bị dạy học đáp ứng mọi hoạt động trong công tác dạy và học, giáo dục học sinh.

Tăng cường sự quản lý nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài sản hiện có cũng như bảo quản, sửa chữa bổ sung tài sản kịp thời phục vụ công tác dạy và học, tránh thất thoắ, lãng phí tài sản của nhà trường.

Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo về việc bổ sung, mua mới, tu sửa các trang thiết bị đã cũ, hỏng của nhà trường.

Huy động nguồn xã hội hóa của nhân dân, phụ huynh và các nhà hảo tâm trên địa bàn để mua sắm trang thiết bị cần thiết cho việc dạy và học.

**2. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá**

***2.1. Đổi mới phương pháp dạy học:***

Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực của mình.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học heo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm ở tổ.

+ Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3 và Khoa học lớp 4, 5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật biệu đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong quá trình thực hành, thí nghiệm. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

+ Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên Mỹ thuật chủ động sắp xếp bày dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chât cho học sinh; tham gia tích cực hội thảo chuyên môn cụm trường.

***2.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống***

Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; đảm bảo điều kiện vệ sinh tập luyện và tuyệt đối an toàn về tính mạng cho trẻ em, học sinh trong quá trình học bơi; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh… vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường; xây dựng tủ sách nhỏ, thân thiện ngay trong lớp học, thư viện lưu động, phát triển phong trào đọc sách của học sinh.

***2.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:***

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học và THCS. Nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: Đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập.

***- Đối với học sinh lớp 1,2,3****:* Thực hiện theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Cần chú ý:

- Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

***- Đối với học sinh lớp 4, 5****:* Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

***- Với lớp 6,7:*** Thực hiện Thông tư 22/2021/TT- BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông áp dụng từ năm học 2021-2022;

Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

***- Với lớp 8,9:*** Thực hiện theoCông văn 4669 /BGDĐT-GDTrH V/v Hướng dẫn đánh giá học sinhTHCS theo mô hình trường học mới16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 1392/BGDĐT-GDTrH V/v thực hiện một số quy định về đánh giá học sinh THCS mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017.

+ Các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì được tiến hành kiểm tra tập trung toàn khối, theo cùng đề bài.

Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn thông qua dự giờ, thăm lớp để kiểm tra, giám sát việc đánh giá học sinh của giáo viên, kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho giáo viên, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học, nâng cao năng lực đánh giá học sinh.

**Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, thuận lợi cho giáo viên trong việc sử dụng và theo dõi quá trình học tập của học sinh; bảo mật và lưu trữ an toàn dữ liệu.**

***2.4. Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn***

**-** Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: Thực hiện sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn 2 lần/ tháng; *Hoạt động tổ/ nhóm chuyên môn cần đi vào chiều sâu, theo hướng:*

+ Tập trung trao đổi, thảo luận về các chủ đề, nội dung giảng dạy, tổ chức rút kinh nghiệm những tiết dự giờ trong tổ chuyên môn, hội thảo chuyên môn cấp tổ, trường, cụm trường;

+ Tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;

+ Bồi dưỡng giáo viên trẻ còn yếu về chuyên môn:

- Chú trọng sinh hoạt tổ /nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

- Tăng cường hoạt động dự giờ trong năm học; đảm bảo nề nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo hướng dẫn của Bộ GD.

- BGH kết hợp với 5 tổ chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học mỗi tuần 1 lần .

- Thực hiện nghiêm túc việc phân tích giờ dạy khi dự giờ theo tiêu chí nêu tại Công văn hướng dẫn của Sở GD

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Tham gia các đợt SHCM cấp huyện của cụm trường trên địa bàn huyện Kim Động theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kim Động.

**3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm**

Tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; thực hiện tốt giáo dục thực hành tâm lí học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp…Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu. Giúp học sinh có được sự an toàn mọi lúc mọi nơi, có tính tự lực, tự tin, giàu sức sáng tạo và khỏe mạnh.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phân công nhiệm vụ**

***1.1. Đối với Hiệu trưởng***

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1,2,3,6,7; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

***1.2. Đối với Phó hiệu trưởng***

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác.có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học, THCS. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp, lớp 3 và lớp 7 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

***1.3. Đối với Tổ trưởng tổ chuyên môn***

Xây dựng kế hoạch giáo dục, triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp day học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướn mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1,2,3.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

***1.4. Đối với giáo viên***

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; g­ương mẫu trước học sinh, th­ương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

***1.5. Đối với Tổng phụ trách Đội***

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

***1.6. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị***

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách. Kết hợp với nhà trường, giáo viên tổ chức Ngày hội đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

**2. Công tác kiểm tra**

Thực hiện đầy đủ các loại hình kiểm tra như kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra hoạt động của các Tổ chuyên môn, các bộ phận.

Qua kiểm tra đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm của giáo viên để kịp thời động viên, nhắc nhở, xử lý, khắc phục, giúp giáo viên nhận ra từng điểm mạnh, điểm yếu của mình để tăng cường hoạt động tự kiểm tra, tự bồi dưỡng một cách hiệu quả và thiết thực.

Việc tổ chức kiểm traphải đúng quy trình,đảm bảo tính công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời, không trùng lặp, không làm cản trở hoạt động bình thường của bộ phận, cá nhân được kiểm tra và phải thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2022– 2023 của trường Tiểu học và THCS Hùng An. Đề nghị các cá nhân và các bộ phận nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về BGH để có sự hướng dẫn, điều chỉnh./

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT (để BC);   * - Hội đồng trường (để phê chuẩn) * - Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h) * - Lưu: hồ sơ, VT./. | **TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**  **CHỦ TỊCH – HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thương** |  |  |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HÀNG THÁNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 50 /KH-THCS, ngày 30/8/2022 của trường TH&THCS Hùng An)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung công việc** |
| 8 | - Kiểm tra cơ sở vật chất và các điều kiện khác chuẩn bị năm học mới  - Rà soát các điều kiện phòng dịch, thực hiện vệ sinh môi trường  - Tiếp tục công tác điều tra, viết phiếu, vào phần mềm phổ cập  - Thông báo lịch tập huấn, BDTX, lịch làm việc, phân công chuyên môn.  - Các tổ/nhóm chuyên môn họp: Xây dựng KHGD các môn học  - Tổ chức ôn tập, thi lại và xét lên lớp  - Tập trung thảo luận các nội dung chuyên môn tổ 1 chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện chương trình phổ thông 2018.  - Rà soát, kiểm tra SGK, đồ dùng của GV, HS phục vụ năm học mới  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoach bài học  - Họp tổ chuyên môn:  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 9 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu từng giai đoạn  - Tổ chức ngày khai giảng đảm bảo an toàn, trang trọng, ý nghĩa  - Học nhiệm vụ năm học, tiếp tục hoàn thành các loại kế hoạch  - Tổ chức họp phụ huynh đầu năm đối với tất cả các khối lớp  - Rà soát đảm bảo đủ SGK của GV và học sinh  - Cho Gv kí cam kết bạo lực học đường, dạy thêm đúng quy định  - Cho HS kí cam kế chống bạo lực học đường, an toàn giao thông  - Tiếp tục công tác điều tra, viết phiếu, vào phần mềm phổ cập  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoach bài học  - Họp tổ / nhóm chuyên môn theo yêu cầu  - Tiêp tục bồi dưỡng các đội tuyển HSG, KHKT, Điền kinh  - Tiếp tục triển khai và thảo luận các chuyên đề đã được tập huấn.  - Các tổ triển khai, thực hiện chuyên đề ở các tổ  - Dự giờ đột xuất; kiểm tra đột xuất  - Hội nghị CC-VC, Đăng kí thi đua đầu năm  - Kiện toàn đội sao trong trường  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 10 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu cụ thể tại thời điểm đó  - Tiêp tục bồi dưỡng các đội tuyển HSG, KHKT, Điền kinh  - Kiểm tra: HSSS của GV.  - Tổ chức đại hội liên đội.  - Tiếp tục thực hiện bồi dưỡng các đội tuyên thi cấp huyện đối với HS  - Tổ chức hội giảng chào mừng ngày 20/10  - Bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9, phụ đạo hs yếu  - Bồi dưỡng GV chuẩn bị thi GVG cấp huyện khi có lịch  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoach bài học  - Dự giờ đột xuất; kiểm tra đột xuất  - Thực hiện công tác lao động vệ sinh trong và ngoài trường  - Họp tổ/ nhóm chuyên môn ( 2 lần/ tháng )  - Tổ KHXH triển khai và thực hiện chuyên đề.  - Tham gia SHCM cấp cụm, tập huấn BDTX theo kế hoạch  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:......................................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ........................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 11 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu cụ thể tại thời điểm đó  - Tiêp tục bồi dưỡng các đội tuyển HSG, KHKT, Điền kinh  - Bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9, phụ đạo hs yếu  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoach bài học  - Thực hiện công tác lao động vệ sinh trong và ngoài trường  - Cập nhật điểm trên hệ thống CSDL ngành.  - Tổ chức hội giảng chào mừng ngày 20/11  - Họp tổ / nhóm chuyên môn  - Thực hiện các nội dung BDTX, tập huấn theo kế hoạch  - Tổ KHXH triển khai và thực hiện chuyên đề:  - Tổ chức thi: VN, cờ vua, trang trí lớp ...  -Thi GVG huyện theo kế hoạch của Phòng GD&ĐT Kim Động  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 12 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu từng giai đoạn  - Kiểm tra: các loại hồ sơ sổ sách của các bộ phận theo kế hoạch  - Cập nhật điểm trên vnedu.  - Thi Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện  - Dự giờ đột xuất; kiểm tra đột xuất  - Thi HSG huyện  - Họp tổ/ nhóm chuyên môn  - Các tổ triển khai và thực hiện chuyên đề theo kế hoạch  - Hội đồng khoa học trường xét duyệt SK.  - Tổ chức KT học kỳ I.  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:.................................................................................................................................................................................................  .  ........................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 1 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu cụ thể từng giai đoạn  - Kiểm tra: các loại hồ sơ sổ sách của các bộ phận theo kế hoạch  - Sơ kết học kì 1; họp phụ huynh cuối HKI  - Nộp SK về PGD  - Họp tổ/nhóm chuyên môn ( 2 lấn/ tháng)  - Kiểm tra HSSS cá nhân  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 2 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu cụ thể từng giai đoạn  - Kiểm tra: các loại hồ sơ sổ sách của các bộ phận theo kế hoạch  - Họp tổ/ nhóm chuyên môn:  - Các tổ triển khai và thực hiện chuyên đề theo kế hoạch  - Kiểm tra việc sử dụng ĐD của giáo viên  - Tổ chức hội giảng mùa xuân  - SHCM cấp cụm theo kế hoạch của Phòng GD&ĐT Kim Động  - Phụ đạo học sinh yếu  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 3 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu cụ thể từng giai đoạn  - Kiểm tra: các loại hồ sơ sổ sách của các bộ phận theo kế hoạch  - Thi HSG cấp tỉnh  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoach bài học  - Cập nhật điểm trên vnedu.  - Họp tổ/ nhóm chuyên môn theo quy định  - Các tổ triển khai và thực hiện chuyên đề:  ***-*** Dự giờ đột xuất; kiểm tra đột xuất nề nếp của GV, HS  - SHCM cụm  - Phụ đạo học sinh yếu  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 4 | - Thực hiện công tác phòng dịch theo yêu cầu cụ thể từng giai đoạn  - Kiểm tra: các loại hồ sơ sổ sách của các bộ phận theo kế hoạch  - Kiểm tra nền nếp dạy và học.  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoạch bài dạy  - Họp tổ chuyên môn ( 2 lấn/ tháng )  - Phụ đạo học sinh yếu  - Tổ chức KT học kỳ II.  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 5 | - Chuẩn bị hồ sơ cho việc xét duyệt tốt nghiệp lớp 9.  - Kiểm tra: Kế hoạch giảng dạy, sổ đầu bài, Kế hoach bài học (mỗi tuần 1 lần). Cập nhật điểm trên vnedu.  - Dự giờ đột xuất; kiểm tra đột xuất  - Kiểm tra HSSS tất cả gv  - Họp tổ /nhóm chuyên môn:  - Hoàn thành báo cáo kết quả BDTX của năm học.  - Kiểm tra hồ sơ của học sinh, duyệt học bạ.  - Kiểm tra duyệt kết quả XL 2 mặt GD đối với HS lớp 9.  - Chuẩn bị nộp hồ sơ xét TNTHCS, hồ sơ tuyển sinh lớp 10  - Duyệt kết quả tốt nghiệp THCS  - Tổng kết năm học.  ***\*Nội dung điều chỉnh***:..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| 6-7 | - Phân công giáo viên coi thi tuyển sinh lớp 10 và coi thi tốt nghiệp THPT.  - Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ  - Thực hiện trực theo chế độ quy đinh  - Rà soát, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất. |